

*** HỒ SƠ TÊN:

LÊ NGỌC BÌNH

32 Cao Mai P7 Quận Tân Phú, TP. HCM - (P7 - Formerly P3)

☐ ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KÈM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

☐ Hồ sơ bảo trở ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 , ☒ GIẤY RA TRAI

☒ Giấy hồ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly di, khai tử v.v...

☒ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hồ khẩu v.v...

☐ Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)

☐ Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ) huy chương v.v...

*** CÁC THỦ KHÁC:

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I. BASIC INFORMATION ON APPLICATION VIETNAMESE

1. FULL NAME FOR EXPOLITICAL PRISONER: LÊ NGỌC BÙU

2. DATE, PLACE OF BIRTH: OCT 22th 1941

AT: HƯỚNG THỦY, THỪA THIÊN

3. RANK AND MILITARY SERIAL NUMBER (BEFORE APRIL 1975):

MAJOR (61 (215.354) BATTALION COMMANDER 127th A.V BATTALION OF THỪA THIÊN PROVINCE

4. 1963 - 1969: 12th RANGER BATTALION / 4th GROUP / IV CORPS.

5. 1969 - 1974: THỪA THIÊN PROVINCE / I CORPS

6. MONTH, DATE, YEAR ARRESTED: SEPT 11th 1974

AT: BẠCH HẠ MOUNTAIN BASE

7. BASE WAS OVER. RUN BY COMMUNIST THEN I WAS CAUGHT AS P.O.V

AND BROUGHT TO CONCENTRATED CAMP IN NORTH VIETNAM

8. MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP: JAN 30th 1975

AT: HẢI TÂN CAMP

9. PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE

10. PRESENT MAILING ADDRESS OF EXPOLITICAL PRISONER:

394/18 TRẦN HƯNG ĐẠO PH. MỸ THO. TỈNH GIANG

11. CURRENT ADDRESS:

394/18 TRẦN HƯNG ĐẠO PH. MỸ THO. TỈNH GIANG

II. LIST FULL NAME, DATE OF BIRTH AND PLACE OF BIRTH OF EXPOLITICAL PRISONER AND RELATIVES:

1. FULL NAME OF EXPOLITICAL PRISONER: LÊ NGỌC BÙU

2. DATE, PLACE OF BIRTH: OCT 22th 1941

AT: HƯỚNG THỦY, THỪA THIÊN

RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EXPOLITICAL PRISONER TO BE CONSIDERED FOR THE U.S. COUNTRY

	NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MARITAL STATUS	RELATION SHIP
1.	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	AUG. 7 th 1950	THỪA THIÊN	FEMALE	MARRIED	WIFE
2.	LÊ NGUYỄN QUỐC VŨ	MAY. 19 th 1964	BA XUYẾT	MALE	BACHELOR	CHILD
3.	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	JULY 30 th 1966	BA XUYẾT	MALE	BACHELOR	CHILD
4.	LÊ NGỌC THÚY VŨ	JAN. 22 th 1970	THỪA THIÊN	FEMALE	SINGLE	DAUGHTER

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I. BASIC INFORMATION ON APPLICATION VIETNAM

1. FULL NAME FOR EXPOLITICAL PRISONER: LÊ NGỌC BÙI

2. DATE, PLACE OF BIRTH: OCT 22th 1941

AT: HUỠNG THUY - THUA THIEN

3. RANK AND MILITARY SERIAL NUMBER (BEFORE APRIL 1975):

MAJOR (61/215.954) BATTALION COMMANDER 127th Q.V BATTALION OF THUA THIEN PROVINCE

* 1963 - 1969: 112nd KANGER BATTALION / 4th GROUP / II CORPS

* 1969 - 1974: THUA THIEN PROVINCE / I CORPS

4. MONTH, DATE, YEAR ARRESTED: SEPT 11th 1974

AT: BACH MA MOUNTAIN BASE

* BASE WAS OVER - RUN BY COMMUNIST THEN I WAS CAUGHT AS P.O.W AND BROUGHT TO CONCENTRATED. CAME IN NORTH VIETNAM

5. MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP: JAN 30th 1981

AT: HAM TAN CAMP

6. PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE

7. PRESENT MAILING ADDRESS OF EXPOLITICAL PRISONER

394/18 TRẦN HƯNG ĐẠO P.4 - HUY THO - QUẢNG

8. CURRENT ADDRESS:

394/18 - TRẦN HƯNG ĐẠO. P.4 - HUY THO - QUẢNG

II. LIST FULL NAME, DATE OF BIRTH AND PLACE OF BIRTH OF EXPOLITICAL PRISONER AND RELATIVES:

1. FULL NAME OF EXPOLITICAL PRISONER: LÊ NGỌC BÙI

2. DATE PLACE OF BIRTH: OCT - 22th 1941

AT: HUỠNG THUY - THUA THIEN

RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EXPOLITICAL PRISONER TO BE CONSIDERED FOR THE U.S. COUNTRY

	NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	EX-POLITICAL STATUS	RELATION SHIP
1.	NGUYỄN THỊ NGỌC THUY	AUG. 7 th 1950	VI THO LONG	FEMALE	MARRIED	WIFE
2.	LÊ NGUYỄN QUỐC VŨ	MAY. 19 th 1967	BA XUYEN	MALE	BACHELOR	CHILD
2.	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	JULY 30 th 1968	BA XUYEN	MALE	BACHELOR	CHILD
4.	LÊ NGỌC THUY VŨ	JAN. 22 th 1970	THUA THIEN	FEMALE	SINGLE	DAUGHTER

5	LÊ NGUYỄN HUY VU	FEB 6 th 1972	THUẬN THIÊN	MALE	BACHELOR	CHILD
6	LÊ NGỌC HÀ VU	AUG 6 th 1974	THUẬN THIÊN	FEMALE	SINGLE	DAUGHTER

III RELATION OUTSIDE VIETNAM

A. CLOSEST RELATIVE IN THE US: NONE

B. CLOSEST RELATIVE IN OTHER FOREIGN COUNTRY: NONE

IV HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW: NONE

V. I AND MY FAMILY WANT TO BE LEFT VIETNAM HUMANITARY ACTION AS SOON AS POSSIBLE

VI. LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED OF THE QUESTIONNAIRE:

- PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE

- PHOTOS AND BIRTH CERTIFICATE OF MY FAMILY

- PHOTOCOPY MARRIAGE CERTIFICATE

SIGNATURE

DATE: AUG. 2nd 1988

[Handwritten Signature]

LÊ NGỌC BỬU

Chuyển đến: 3/12/18 THA

Chuyển đến

P4

Từ ngày 12 tháng 11 năm 84

Từ ngày tháng năm

Ký tên đóng dấu

Ký tên đóng dấu

Chức

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm

Trưởng công an

Ngày tháng năm

Trưởng công an

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm

Trưởng công an

Ngày tháng năm

Trưởng công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 0489/101A

NGUYỄN THỊ NGỌC THU

Họ và tên chủ hộ:

Số nhà: 39A/13 Ngõ (hẻm):

Đường phố: Trần Hưng Đạo Đền CAND:

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh, thành phố:

Ngày tháng năm

Trưởng công an

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



7

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 001/QĐ-TG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Hầm tù

Số GRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông 905 BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ hành án văn, quyết định tha số 144

ngày 16 tháng 01 năm 1984

của Tổ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Lê Ngọc Dân

Sinh năm 1941

Các tên gọi khác

Lê Ngọc Dân

Nơi sinh

Thị trấn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 394/48 trấn hương đệ nhị thị trấn, tỉnh giang

Cán tội

Thị trấn đệ nhất tỉnh trưởng

Bị bắt ngày

11/09/74

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị xử án

lần công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại 394/48 trấn hương đệ nhị thị trấn, tỉnh giang

Nhân xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: quá trình cải tạo không có biến động gì xấu chịu sự giáo dục của cảnh sát.

Lao động: Thể hiện tinh thần cố gắng tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao có chất lượng.

Nội quy: chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập: tham gia đủ môn học chuyên môn khá.

(quản chức là tổng)

Đã được xét giảm án tại UBND TT

Nơi trả quản

Trước ngày

tháng

năm 19

Lần tay nguyên trở lại

Của Lê Ngọc Dân

Danh bản số

Lưu tại

Họ tên, chức vụ

người được cấp giấy

Ngày 01 tháng 01 năm 1984

Q. Giám thị

THIÊN TÀI NGUYỄN ANH QUANG

Xác nhận

Đ/S cũ đến trình luận
tại tòa phúc

Ngày 6-8-84

Nguyễn Văn Công

[Signature]

18/08/84

TỈNH BA-XUYỀN

QUẬN Mỹ-Xuyền

XÃ Khánh-Hung

Số hiệu 722

TRÍCH - LỤC

CHUNG-THƯ HÔN THỦ



Tên họ người chồng Lê-ngọc-Bửu

Nghề - nghiệp quân nhân

Sanh ngày 22 tháng 10 năm 1941

Tại An-Cự-Tây (Thừa-Thiên)

Cư - sở tại _____

Tạm-trú tại Khánh-Hung (Baxuyên)

Tên họ cha chồng Lê-ngọc-Mào (chết)
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Võ-thị-ĐO (sống) 56 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Nguyễn-thị Ngọc-Thu

Nghề - nghiệp nội-trợ

Sanh ngày 7 tháng 8 năm 1950

Tại Long-Châu (Vĩnh-Long)

Cư sở tại _____

Tạm - trú tại Khánh-Hung (Baxuyên)

Tên họ cha vợ Nguyễn-văn-Trước (sống) 48 tuổi
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Mai-thị-Tư (sống) 45 tuổi
(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới Một, tháng mười hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu.

— Vợ chồng khai có hay không hôn lễ _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Tại _____

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Khánh-Hung, ngày 1 tháng 12 năm 1966

Chủ-Tịch kiêm VIÊN CHỨC HỘ LẠI

Dĩ-Viên Tài-Chánh,

Spun

Chai Kim Luân

Khánh Hưng
ngang đây
22 tháng 12 năm 1966
Linh Trưởng
Trưởng Ty Hành Chánh



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

Bà-Nguyên

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Xi Khánh-Hùng

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Bà-Nguyên

(NAM PHẦN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1967

(Année)

SỐ HIỆU 1300

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lê nguyên quốc Vũ.-
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nam;
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Mười chín, tháng năm, năm 1967.-
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hồ sanh Viện Khánh-Hùng,
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lê ngọc Hậu.-
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quản-Hàn,
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	43 Đường Lê Thảo.-
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị ngọc Thu.-
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ,
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	43 Đường Lê Thảo.-
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ Chánh./-

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số: **149TT**
(Quittance No)



Bà-Nguyên ngày **3/10** 197 **4**
CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

NGUYỄN VĂN DIỆT

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE Ba-Miền)



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Đỗ Khánh-Hùng

Tỉnh Ba-Miền

(NAM PHÂN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1968
(Année)

SỐ HIỆU 2321
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Lê nguyên trường Vũ.-</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nam,</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ba, mười, tháng bảy, năm một ngàn</u> <u>chín trăm sáu mươi tám.-</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Hồ sinh Khánh-Hùng,</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Lê ngọc Hân.-</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Quan Nhân,</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>43 Trưng công Định.-</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Nguyễn thị ngọc Thu.-</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Nội Trợ,</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>43 Trưng công Định.-</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariee)	<u>Vợ Chánh./-</u>

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá bản . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số: WPTT
(Quittance No)



Ba-Miền, ngày 3/10 197 4
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

MUỖNH-VĂN HIỆU

Số hiệu : 47

KHAI SANH



Hộ khẩu
Cố bản tại hiệu MINH-CHƯƠNG 64, Duy-Tân

Họ và tên ấu nhi :	LÊ - NGỌC THỦY - VŨ
Phái :	Nữ
Sanh Ngày, tháng, năm :	Ngày Hai mươi hai, tháng Một, năm Một ngàn chín trăm bảy mươi (22.I.1970)
Tại :	Thủy-An, An-Cửu-Tây, Hưng-Thủy, Thừa-Thiên
Cha Họ và tên :	LÊ - NGỌC - BŨU
Tuổi :	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699
Mẹ Họ và tên :	NGUYỄN-THỊ NGỌC-THU
Tuổi :	Hai mươi tuổi (20)
Nghề nghiệp :	Nội trợ
Cư trú tại :	Ấp Lê-Lợi, Xã Thủy-An
Vợ Chính hay thứ :	Chính
Người khai Họ và tên :	LÊ - NGỌC - BŨU
Tuổi :	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699
Ngày khai :	Ngày Hai mươi tám, tháng Một, năm Một ngàn chín trăm bảy mươi (28.I.1970)
Người chứng thứ nhất Họ và tên :	NGUYỄN - HỮU - THỊ
Tuổi :	Hai mươi sáu tuổi (26)
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699
Người chứng thứ nhì Họ và tên :	LÊ-NGỌC-SINH
Tuổi :	Hai mươi bảy tuổi (27)
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699



CHÂU-TRẮC

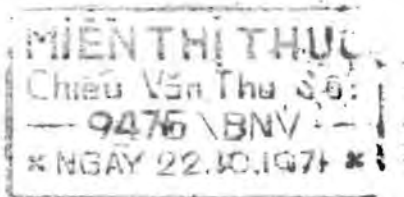
Làm tại Xã Thủy-An, ngày 28 tháng I năm 197 0

Người khai,
LÊ-NGỌC-BŨU

Hộ lại,

Nhân chứng,

1/ **NGUYỄN-HỮU-THỊ**
2/ **LÊ-NGỌC-SINH**



Số hiệu : 67

KHAI SANH

CHÚC
Em LÊ-NGỌC
Em LÊ-NGUYỄN
là song sinh
chúng tôi

Thủy-An, ngày 23.2.1972

Ủy-Viên Hộ-Tịch
(Ký tên và đóng dấu)

PHAN-BÁ-XÀ

Cố bản tại hiệu MINH-CHUONG 64, Duy-Tân I - Huế

Họ và tên ấu nhi :	LÊ - NGUYỄN HUY - VŨ (Song-sinh)
Phái :	Nam
Sanh :	Ngày Sáu, tháng hai, năm Một ngàn
Ngày, tháng, năm :	chín trăm bảy mươi hai (06.2.1972)
Tại :	An-Cựu-Tây, Thủy-An, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
Cha :	LÊ - NGỌC - BỬU
Họ và tên :	Ba mươi một tuổi (31)
Tuổi :	
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 6749
Mẹ :	NGUYỄN-THỊ NGỌC-THU
Họ và tên :	Hai mươi hai tuổi (22)
Tuổi :	
Nghề nghiệp :	Nội trợ
Cư trú tại :	An-Cựu-Tây, Thủy-An, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
Vợ :	Chính
Chánh hay thứ :	LÊ-NGỌC-BỬU
Người khai :	Ba mươi một tuổi (31)
Họ và tên :	
Tuổi :	
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 6749
Ngày khai :	Ngày Hai mươi ba, tháng hai, năm Một
	Ngàn chín trăm bảy mươi hai .
Người chứng thứ nhất :	NGUYỄN - NHƠN
Họ và tên :	Ba mươi sáu tuổi (36)
Tuổi :	
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 6749
Người chứng thứ nhì :	LÊ-NGỌC-SINH
Họ và tên :	Ba mươi ba tuổi (33)
Tuổi :	
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 6749

Làm tại THỦY-AN, ngày 23 tháng 2 năm 1972

Người khai,
LÊ-NGỌC-BỬU

Hộ lại,
(Ký tên và áp dấu)
PHAN-BÁ-XÀ

Nhân chứng,

1/NGUYỄN-NHƠN
2/LÊ-NGỌC-SINH

MIỄN THỊ THỰC
Chiếu Văn Tho 54
— 9475 \BNV—
* NGÀY 22.10.1971 *

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh, Thị-Xã Thừa-Thiên

Quận Hương-Thủy

Xã, Phường Thủy-An

Số hiệu : 23

TRÍCH - LỤC

Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 10 tháng 08 năm 1974



Ảnh của THANH-BINH (trước mặt Ty Ban-Điện - HUP)

Tên họ đứa trẻ : LÊ - NGOC HA - VU

Con trai hay con gái : Con trai

Ngày sanh : Ngày sáu, tháng tám, năm
Một ngàn chín trăm bảy
mươi bốn (06.08.1974).

Nơi sanh : AN-GIANG-TÂY, Hương-Thủy,
Thừa-Thiên

Tên họ người cha : LÊ - NGOC - HUU

Tên họ người mẹ : NGUYỄN-THỊ NGOC-THU

Vợ chánh hay không
có hôn thú : Vợ chánh

Tên họ người dùng khai : LÊ - NGOC - HUU

PHỤ TẠCH LỤC

Thủy-An, Quận 8 / 10 / 1974
CHỦ-TỊCH XÃ (KIỂM HỌ-TỊCH)

Trích lục y bản chánh

Ngày 10 tháng 08 năm 1974

Văn-chức Hộ-tịch,



Handwritten signature



CHẤU-TRÁ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV #

VEWL.#

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes___No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE NGUYEN BUI
Last Middle First

Current Address

Date of Birth Oct 1941 Place of Birth Thia Thia

Previous Occupation (before 1975) Major & 12th C.V. Battalion of India Army
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05/1975 To 01/1984

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI - NGOC THY	1957	wife
LE NGUYEN QUOC MU	1967	son
LE NGUYEN TRUNG MU	1968	son
LE NGOC THUY MU	1970	daughter
LE - NGUYEN MU MU	1972	son
LE NGOC HA MU	1974	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM.

I. BASIC INFORMATION ON APPLICATION VIETNAM.

1. FULL NAME FOR EXPOLITICAL PRISONER. LÊ NGỌC BỬU ✓
2. DATE, PLACE OF BIRTH: OCT. 22th. 1941. ✓
AT: HUỠNG THỦY - THỪA THIÊN.
3. RANK AND MILITARY SERIAL NUMBER (BEFORE APRIL 1975):
MAJOR (61/215.95H) BATTAILLION COMMANDER 127th C.V BATTAILLION OF THỪA THIÊN PROVINCE
* 1963 - 1969: 42nd RANGER BATTAILLION / 4th GROUP / II CORPS.
* 1969 - 1974: THỪA THIÊN PROVINCE / I CORPS
4. MONTH, DATE, YEAR ARRESTED: SEPT. 11th. 1974
AT: BẠCH MÃ MOUNTAIN BASE.
* BASE WAS OVER. RUN BY COMMUNIST THEN I WAS CAUGHT AS P.O.W AND BROUGHT TO CONCENTRATED. CAMP IN NORTH VIETNAM.
5. MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP: JAN. 30th. 1984 ✓
AT: HẨM TÂN CAMP.
6. PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE
7. PRESENT MAILING ADDRESS OF EXPOLITICAL PRISONER.
394/18. TRẦN HƯNG ĐẠO. P.4. MỸ THO. TIỀN GIANG ✓
8. CURRENT ADDRESS:
394/18. TRẦN HƯNG ĐẠO. P.4. MỸ THO. TIỀN GIANG.

II. LIST FULL NAME, DATE OF BIRTH AND PLACE OF BIRTH OF EXPOLITICAL PRISONER AND RELATIVES:

1. FULL NAME OF EXPOLITICAL PRISONER. LÊ NGỌC BỬU
2. DATE, PLACE OF BIRTH: OCT. 22th. 1941
AT: HUỠNG THỦY - THỪA THIÊN.

RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EXPOLITICAL PRISONER TO BE CONSISTED FOR THE US COUNTRY.

	NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MARRITAL STATUS	RELATION SHIP
1.	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	AUG. 7 th . 1950	VĨNH LONG	FEMAL	MARRIED	WIFE
2.	LÊ NGUYỄN QUỐC VŨ	MAY. 19 th . 1967	BA XUYỀN	MAL	BACHELOR	CHILD
3.	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	JULY. 30 th . 1968	BA XUYỀN	MAL	BACHELOR	CHILD
4.	LÊ NGỌC THÚY VŨ	JAN. 22 th . 1970	THỪA THIÊN	FEMAL	SINGLE	DAUGHTER

5.	LÊ NGUYỄN HUY VŨ	FEB. 6 th 1972	THỪA THIÊN	MAL	BACHELOR - CHILD
6.	LÊ NGỌC HẠ VŨ	AUG. 6 th 1974	THỪA THIÊN	FEMAL	SINGLE DAUGHTER

III.. RELATION OUT SIDE VIETNAM:

A.. CLOSET RELATIVE IN THE US : NONE

B.. CLOSET RELATIVE IN ORTHER FOREIGN COUNTRY: NONE

IV.. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW : NONE.

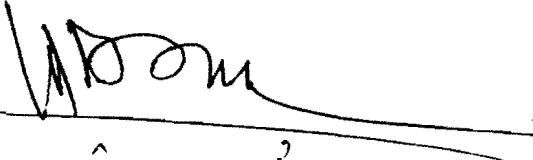
*.. I AND OUR FAMILY WANT TO BE LEFT VIETNAM HUMANITARY ACTION AS SOON AS POSSIBLE.

V.. LICHT HERE ALL DOCUMENT ATTACHED OF THE QUESTIONNAIRE :

- PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE.
- PHOTOS AND BIRTH CERTIFICATE OF MY FAMILY
- PHOTOCOPY MARRIAGE CERTIFICATE

SIGNATURE

DATE, AUG. 2nd 1988


LÊ NGỌC BỬU.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001/QTĐ, ban hành theo công văn số 245 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **Huân tước**

Số **GRT**

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 956-BCA-TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số **144**

ngày **16** tháng **01** năm **1984**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Lô Ngọc Dân

Sinh năm 19 **41**

Các tên gọi khác

Lô Ngọc Dân

Nơi sinh

Thị trấn

Nơi đang ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

394/PP trấn hương Đệ nhị thị trấn, tỉnh

giang

Cán tội

Thiếu tá tiền quân trưởng

Bị bắt ngày

11/09/74

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị bắt

lần, công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại **394/PP trấn hương Đệ nhị thị trấn, tỉnh**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : quá trình cải tạo không có biến hiện gì xấu của sự giáo dục của cảnh ngộ.

Lao động : Thể hiện tinh thần cố gắng tham gia củ ngày công hoàn thành công việc được giao có chất lượng.

Nội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Đặc biệt : tham gia cải tạo theo chuyên môn khá.

(quản chế là thẳng)

Trưởng cơ quan chấp hành của Ủy ban chấp hành

Tوقيع ngày

tháng

năm 19

Lưu tay nộp trở lại

Của **Lô Ngọc Dân**

Định bản số

Lưu tại

Họ tên, chỉ ký

người được cấp giấy

Ngày **20** tháng **01** năm **1984**

Q. Giám thị

(Signature)

THIÊN TÁ, NGUYỄN ANH QUANG

Xác nhận

Đ/S cũ đến trình duyệt
tại đơn phường

Ngày 2-2-84

Nguyễn Văn Công

[Signature]

TỈNH BA-XUYỀN

QUẬN Mỹ-Xuyên

XÃ Khánh-Hung

Số hiệu 722

TRÍCH - LỤC

CHUNG-THƯ HÔN-THỦ



Tên họ người chồng Lê-ngọc-Bửu

Nghề - nghiệp quân nhân

Sinh ngày 22 tháng 10 năm 1941

Tại An-Cựu-Tây (Thừa-Thiên)

Cư - sở tại

Tạm-trú tại Khánh-Hung (Baxuyen)

Tên họ cha chồng Lê-ngọc-Mào (chết)

(Sống chết phải nói) Võ-thị-Đo (sống) 56 tuổi

Tên họ mẹ chồng Nguyễn-thị Ngọc-Thu

(Sống chết phải nói) Nguyễn-thị Ngọc-Thu

Tên họ người vợ nội-trợ

Nghề - nghiệp 7 tháng 8 năm 1950

Sinh ngày Long-Châu (Vĩnh-Long)

Tại

Cư sở tại Khánh-Hung (Baxuyen)

Tạm - trú tại Nguyễn-văn-Trước (sống) 48 tuổi

Tên họ cha vợ Mai-thị-Tư (sống) 45 tuổi

(Sống chết phải nói) Một, tháng mười hai năm một ngàn chín trăm

(Sống chết phải nói) sáu mươi sáu.

— Ngày cưới

— Vợ chồng khai có hay không hôn khế

Ngày tháng năm

Tại

TRÍCH-Y BỐN CHÁNH

Khánh-Hung, ngày 1 tháng 12 năm 1966
Chủ-Tịch kiêm VIÊN-CHỨC HỘ-LẠI,

ĐI-Viên Tài-Chánh,

Signatures

Chức vụ

Khánh-Hung
ngày 2 tháng 12 năm 1966
Lãnh Trưởng

Trưởng Ủy Hành Chính



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE Bà-Nhơn)



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xi Khánh-Hung
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Bà-Nhơn

(NAM PHÂN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1967
(Année)

SỐ HIỆU 130
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Lê nguyên quốc Vũ.-</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nam,</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>Mười chín, tháng năm, năm 1967.-</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>tho sanh Viện Khánh-Hung,</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Lê ngọc Hân.-</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Quản-Nhân,</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>43 Đường Lê Thảo.-</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Nguyễn thị ngọc Thu.-</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Nội trợ,</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>43 Đường Lê Thảo.-</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ Chánh./-</u>

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số: WP TT
(Quittance No)



Bà-Nhơn, ngày 3/10 1974

CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

QUYNH-VĂN-HIỂU

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH. Mã Khánh-Hùng
(Extrait du registre des actes de naissance)

Thị Ba-Mỵên

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1968
(Année)

SỐ HIỆU 2321
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Lê nguyên trường Vũ.-</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nam,</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ba mươi, tháng bảy, năm một ngàn</u> <u>chín trăm sáu mươi tám.-</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Hồ sanh Khánh-Hùng,</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Lê ngọc Hào.-</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Quản Nhân,</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>43 Trường Công Định.-</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Nguyễn thị ngọc Thu.-</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Nội Trợ,</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>43 Trường Công Định.-</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ Chánh./-</u>

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Thị Ba-Mỵên, ngày 3/10 1974

CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

NGUYỄN VĂN HIỆU

Giá tiền . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số: 10 PTT
(Quittance No)

Số hiệu : 67

KHAI SANH



CHÚNG

Em LÊ-NGỌC

Em LÊ-NGUYỄN

là song sinh

chúng tôi.

Thủy-An, ngày 23.2.1972

Uy-Viên Hộ-Tịch

(Ký tên và đóng dấu)

PHẠM-BÁ-XÀ

Hộ
Cố bản tại hiệu MINH-CHƯƠNG 64, Duy Tân

Họ và tên ấu nhi : LÊ - NGUYỄN HUY - VŨ (Song-sinh)

Phái : Nam

Sinh : Ngày Sứ, tháng hai, năm Một ngàn chín trăm bảy mươi hai (06.2.1972)

Tại : An-Cựu-Tây, Thủy-An, Hương-Thủy, Thừa-Thiên

Cha : LÊ - NGỌC - BŨU

Họ và tên : Ba mươi một tuổi (31)

Tuổi : Quân-nhân

Nghề nghiệp : KBC : 6749

Cư trú tại : NGUYỄN-THỊ NGỌC-THU

Mẹ : Hai mươi hai tuổi (22)

Họ và tên : Nội trợ

Tuổi : An-Cựu-Tây, Thủy-An, Hương-Thủy, Thừa-Thiên

Nghề nghiệp : Chánh

Cư trú tại : LÊ-NGỌC-BŨU

Vợ : Ba mươi một tuổi (31)

Chánh hay thũ : Quân-nhân

Người khai : KBC : 6749

Họ và tên : Ngày khai : Ngày Hai mươi ba, tháng hai, năm Một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23.2.1972)

Tuổi : Ba mươi sáu tuổi (36)

Nghề nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : KBC : 6749

Người chứng thứ nhất : LÊ-NGỌC-SINH

Họ và tên : Ba mươi ba tuổi (33)

Tuổi : Quân-nhân

Nghề nghiệp : KBC : 6749

Cư trú tại :

PHÒNG TỊCH LỤC

8/10/1972

KIỂM HỌ-TỊCH

LÊ-NGỌC-BŨU

LÊ-NGUYỄN-SINH

THỦY-AN

CHẤU-TRÁC

Làm tại Xã Thủy-An, ngày 23 tháng 2 năm 1972

Người khai, (Ký tên và áp dấu)
LÊ-NGỌC-BŨU PHẠM-BÁ-XÀ

Nhân chứng,
1/ NGUYỄN-NHƠN
2/ LÊ-NGỌC-SINH

MIỄN THỊ THỤY

Chiếu Văn Thư số:

— 9475 / BNV —

* NGÀY 22.10.1971 *

KHAI SANH



Họ và tên ấu nhi: LÊ-NGỌC-THỦY-VŨ
 Giới: Nữ
 Sinh: ngày hai mươi hai tháng một, năm
 ngày tháng năm một ngàn chín trăm bảy mươi (22.I.70)
 Tại: Thủy-An, An-Cựu-tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
 Cha: LÊ-NGỌC-BŨU
 Họ và Tên
 Tuổi: hai mươi chín (29) tuổi
 Nghề nghiệp: Quân nhân
 Cư trú tại: KBC: 4699
 Mẹ: NGUYỄN-THỊ-NGỌC-THU
 Họ và Tên
 Tuổi: Hai mươi (20) tuổi
 Nghề nghiệp: Nội trợ
 Cư trú tại: Ấp Lê-Lợi, Xã Thủy-An
 Chánh nay tại: chánh
 Người khai: LÊ-NGỌC-BŨU
 Họ và Tên
 Tuổi: hai mươi chín (29) tuổi
 Nghề nghiệp: Quân nhân
 Cư trú tại: KBC: 4699
 Ngày khai: ngày hai mươi tám, tháng một năm
 một ngàn chín trăm bảy mươi (28.I.70)
 Người chứng thư nhất: NGUYỄN-HỮU-THI
 Họ và Tên
 Tuổi: hai mươi sáu (26) tuổi
 Nghề nghiệp: Quân nhân
 Cư trú tại: KBC: 4699
 Người chứng thư hai: LÊ-NGỌC-SINH
 Họ và Tên
 Tuổi: hai mươi bảy (27) tuổi
 Nghề nghiệp: Quân nhân
 Cư trú tại: KBC: 4699

Làm tại Xã Thủy-An ngày 28 tháng I năm 19 70

Người khai.

Hộ tại.

Nhận chứng

LÊ-NGỌC-BŨU

NGUYỄN-VĂN CỤC

I/NGUYỄN-HỮU-THI

2/ LÊ-NGỌC-SINH



NGUYỄN-VĂN CỤC

Sở trưởng công an tỉnh Thừa Thiên Huế

Chung An

28-01-1970

Hôm nay ngày 28-01-1970

tại Ủy ban nhân dân xã Thủy-An

Xã Thủy-An, Huyện Hương-Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

Thủy-An

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
Tỉnh, Thị-Xã Thừa-Thiên
Quận Hương-Thủy
Xã, Phường Thủy-An
Số hiệu: 213

TRÍCH - LỤC
Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 10 tháng 08 năm 1974



Nội in THANH-BÌNH (trước một Ty Huân-Diện - Huế)

Tên họ đứa trẻ: LÊ - NGOC HA - VU

Con trai hay con gái: Gái

Ngày sanh: Ngày Sáu, tháng Tám, năm
Một ngàn chín trăm bảy
mươi bốn (06.08.1974).

Nơi sanh: An-Cầm-Tây, Hương-Thủy,
Thừa-Thiên.

Tên họ người cha: LÊ - NGOC - HUU

Tên họ người mẹ: NGUYỄN-THỊ NGOC-THU

Vợ chánh hay không
có hôn thú: Vợ chánh

Tên họ người đứng khai: LÊ - NGOC - HUU

PHÒNG AN THẠCH LỤC

CHỦ TỊCH AN THẠCH LỤC
CHỦ TỊCH AN THẠCH LỤC

Trích lục y bản chánh

Ngày 10 tháng 08 năm 1974

Chức Hộ-tịch,



Handwritten signature

CHÂU-TRÁP

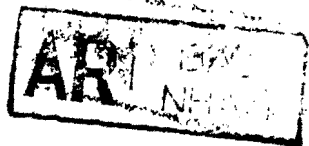
MIỄN THỊ THỰC
Chiếu Văn Thư Số:
— 9475 /BNV—
* NGÀY 22.10.1974 *

FR: LÊ NGOC BỬU
32 Sao Mai - P.7 (Formerly P3)
Quận Tân Bình TP Hồ Chí Minh
VIET NAM.

PAR AVION



APR 26 1989



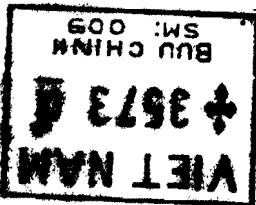
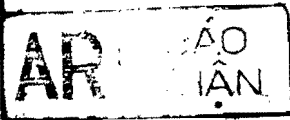
TO THE MRS KHUOC MINH THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

U S A

PAR AVION VIA AIR MAIL

LÊ NGỌC ĐUỠ
145 Bành Văn Trân
F7 - Quận Tân Bình
TP. HCM

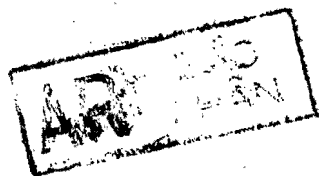
JAN 17 1991 PAR AVION



TO : KHUẾ MINH THO
HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ V. N
P. O. BOX 5435 ARLINGTON
V. A 22205-0635
U. S. A.

FROM: LÊ NGOC BUU
32 SAO MAI P3
QUẬN TÂN BÌNH
HỒ CHÍ MINH CITY

PAR AVION



TO: KHUẾ MINH THO
PO. BOX 5435
ARLINGTON

VA. 22205. 0035

VIA AIR MAIL PAR AVION

USA

CONTROL

1/15

____ Card
____ Doc. Request, Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership, Letter